

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỞ

QUYỂN 17

Phẩm thứ mười ba: THĂNG TU DI SƠN ĐẢNH
(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 16 trong kinh)

A- Ý ĐƯA RA, có hai: Một: Phân rõ về đưa ra Hội, Hội trước là Tín, Hội này là Giải, vốn là nghĩa theo thứ tự. Lại giải đáp câu hỏi về Thập Trú tổng quát có hai đoạn, đoạn trước thì Tín là phương tiện của Trú; đoạn này trình bày về phần vị chính thức, cho nên tiếp theo đưa ra. Hai:Đưa ra Phẩm, Phẩm trước thuyết giảng về Tín cứu cánh, Phẩm này hướng đến sau thuyết giảng về Trú, cho nên tiếp theo đưa ra.

B- GIẢI THÍCH TÊN GỌI, cũng có hai: Một-Phân rõ về tên gọi của Hội, dựa theo nơi chốn thì gọi là Hội ở cõi trời Đao Lợi, dựa theo con người thì gọi là Hội của Bồ-tát Pháp Tuệ, dựa theo pháp thì gọi là Hội thuộc Thập Trú, đều là Y chủ thích. Hai-Tên gọi của Phẩm, Tu-di chính xác nói là Tô-mê-lô, Trung Hoa nói là Diệu Cao, Như Lai dùng lực tự tại không rời khỏi cây Bồ-đề, ứng cơ hiện đến nơi ấy cho nên nói là Thăng; biểu thị cho phần vị từ từ tăng lên không ở nơi nhân gian, hiển bày về phần vị thanh tịnh cho nên ở cõi trời. Nếu như cõi trời biểu thị cho thanh tịnh thì đâu chỉ có Diệu Cao?

Diệu có mười nghĩa, bởi vì Như đối với pháp: 1- Thể vi diệu, nghĩa là do bốn thứ báu mà tạo thành. 2- Tướng vi diệu, nghĩa là tám phương-bốn bậc. 3- Sắc vi diệu, nghĩa là bốn Sắc cơ bản, Bắc là vàng, Đông là bạc, Nam là Phê-lưu-ly, Tây là Pha-chi-ca, tất cả mọi vật như cỏ cây chim thú..., tùy theo nơi chốn đã đến thì giống với màu sắc nơi ấy, tự nhiên thường còn chứ không thay đổi. 4- Đức vi diệu, nghĩa là gió mạnh ở tám phương không thể nào làm cho lay động. 5- Quyển thuộc vi diệu, nghĩa là bảy núi vàng vây quanh bảy lớp, và bảy biển hương lưu chuyển xoay quanh Hải ấn. 6- Nương tựa duy trì vi diệu, chỉ riêng

trời nương tựa an trú, người đạt được thần thông cư trú. 7- Tác nghiệp vi diệu, không lìa xa nơi chốn của mình mà giữ yên bốn châu, chiếu rọi che lấp mặt trời-mặt trăng mà thành ngày-đêm. 8- Sinh ra quả vi diệu, nghĩa là cây Ba-lợi Chấ-đa luôn luôn làm lợi ích cho Thiên chúng. 9- Làm vị đứng đầu vi diệu, ở nơi bốn châu thành lập đầu tiên. 10- Kiên cố vi diệu, ở trong vòng tròn hủy hoại sau cùng.

Cao, là vươn lên cao tám vạn bốn ngàn Do-tuần, chìm trong nước cũng như vậy, phía dưới dựa vào Kim Cang, phía trên tiếp cận Không giới, trên đỉnh ngang dọc số lượng cũng bằng nhau, một mình vượt ra ngoài chín núi, cho nên gọi là Cao.

Hạnh của Thập Trú cũng lại như vậy: Văn-Tư-Tu-Giải mà làm Diệu Thể, bốn Đức-tám Thánh mà làm Diệu Tướng, bốn Biện làm Sắc khiến cho chúng sinh hiểu biết như nhau, tuy cùng âm thanh với chúng sinh mà Trí của mình không thay đổi; tám Pháp không lay động mà làm Diệu Đức, bảy Chi vâng giữ tịnh giới mà làm núi vàng vây quanh, bảy Thức lưu chuyển mà làm Hải ấn, Đệ nhất nghĩa Thiên nương tựa duy trì mà an trú. Có thể dùng thần thông để hiểu biết về loài phi tình mà luôn luôn lên cao, không rời khỏi nơi chốn của mình mà ứng hiện khắp nơi mười phương. Chiếu rọi che lấp miệng Phật và ánh trăng của Bồ-tát mà làm thành ngày đêm của Niết-bàn và sinh tử, sinh ra quả của Giáo-Hạnh mà làm cây vi diệu. Thế giới mới thành lập thì Bồ-tát xuất hiện đầu tiên, vì chúng sinh mà hiện bày các loại vật dụng để giúp đỡ; thế giới sắp hủy hoại thì Bồ-tát ẩn đi sau cùng, vì chúng sinh mà thuyết giảng về Định bậc Thượng khiến cho tránh khỏi ba Tai. Cao thì thành tựu đầy đủ tám vạn bốn ngàn pháp môn của các Độ, tự tại ở ngoài chướng ngại; bởi vì chúng sinh mà tiến vào biển sinh tử, cũng đầy đủ tám vạn bốn ngàn pháp môn của các Độ. Dựa vào tánh của Kim Cang, tiếp cận với Thắng nghĩa của Không. Vả lại, Trí tiến vào Tuệ của Phật thì nhất định cùng tận ngọn nguồn ấy, Đức vượt lên trên phương tiện vươn xa ra ngoài mọi đỉnh cao, là hiển bày về công đức Diệu Cao của Thập Trú, vì vậy cần phải lên cao trên đỉnh núi Diệu Cao; bốn Thiên vương ở lưng chừng bên cạnh mà không phải là chính giữa, biểu thị cho Trú không lui sụt, khác với Tín dễ dàng lay động, cho nên vượt qua cõi trời ấy mà ở trên đỉnh núi Diệu Cao. Đồng tử Thiện Tài ở trên đỉnh núi Diệu Phong gặp được Đức Vân, cũng biểu thị cho phần vị này càng rõ ràng là có nguyên do.

Nhưng trên đây đã giải thích đều là ý thuộc về Viên giáo, cho nên về sau phẩm Phát Tâm nói: Nên biết rằng người này đã cùng với chư

Phật ba đời ngang nhau, bình đẳng với công đức của chư Phật ba đời, đạt được một thân-vô lượng thân của Như Lai. Lúc vừa mới phát tâm, đã được tất cả chư Phật mười phương cùng nhau khen ngợi, không thể nói giống như giáo Phương tiện. Nếu dựa theo Quán tâm thì Diệu Cao nghĩa là Tu-di của Tam-muội vắng lặng không lay động, không còn suy nghĩ-không còn tâm tưởng, không thu nhận-không thấu nhiếp, tùy theo tánh mà ổn định phù hợp với tâm địa vốn có; tiến vào biển trí của Phật sâu thẳm không thay đổi, là pháp lạc vi diệu tiếp xúc với cảnh tự tại, hợp với tánh thanh tịnh vốn có, là bốn đức quý báu mà tự trang nghiêm. Đây là Bốn giác của Như Lai, lên cao trên đỉnh Tu-di của pháp.

C- TÔNG THỨ: Một: Dựa theo Hội thì dùng đức thuộc hạnh của Thập Trú làm Tông, thấu nhiếp quả thuộc đức của phần vị làm Thứ. Hai: Dựa theo Phẩm thì lấy nơi chốn trang nghiêm thỉnh Phật phú cảm làm Tông, căn duyên phù hợp mà thuyết pháp làm Thứ.

D- GIẢI THÍCH VĂN: Hội này có sáu phẩm, phân làm hai phần: Hai phẩm đầu là phương tiện phát khởi, bốn phẩm sau là ngay Hội ấy chính thức thuyết giảng.

Trong hai phẩm đầu: Một phẩm trước chỉ là nguyên cơ đưa ra; một phẩm Kế Tán thì nghĩa có đủ cả hai: Một là phương tiện, nghĩa là phẩm trước Hóa chủ hướng về căn cơ, phẩm sau là Trợ hóa ca ngợi Phật, bởi vì Chủ-bạn đầy đủ trọn vẹn thì mới thuyết giảng giáo pháp. Hai là sở y, nghĩa là ba vị trời (Tam Thiên) thuyết pháp đều có kệ ca ngợi, bởi vì muốn hiển bày về Tam Hiền đều dựa vào Trí của Phật mà có sai biệt, lìa xa Trí của Như Lai thì không có tự Thể, chỉ làm phương tiện nhưng sao nói lời ca ngợi? Hai Hội về Thập Hạnh-Thập Hồi Hưởng phân định giống như ở đây.

Nay một phẩm đầu, phân trường hàng có mười đoạn: Một: Hội vốn có đều hiện rõ; Hai: Không xa rời mà đều lên cao; Ba: Tất cả đều nhìn thấy Phật xuất hiện; Bốn: Tất cả đều trang nghiêm cung điện-pháp tòa; Năm: Đều đến thỉnh Phật; Sáu: Cùng lúc đi vào cung điện; Bảy: Âm nhạc đều dừng lại; Tám: Tất cả đều nghĩ đến nhân xưa; Chín: Cùng nhau ca ngợi Như Lai; Mười: Cung điện đều rộng lớn trang nghiêm thanh tịnh.

Một: Hội vốn có đều hiện rõ: Nói lúc bấy giờ, tức là thời gian ở hai Hội trước, Chủ-bạn đều ở khắp nơi thuyết giảng về pháp của hai Hội trước. Nay ở đây trình bày về có ở khắp nơi (Biển), tức là lớp thứ nhất trong mười lớp về nơi chốn thuyết giảng. Sao cần phải nêu ra điều này? Bởi vì muốn trình bày về Hội trước không tản ra mà hợp thành

Hội sau, Hội sau nhất định phải kèm theo Hội trước, cho nên hợp thành Hội pháp giới vô ngại. Tất cả các Hội không có dừng lại, cho nên các Hội về sau đều cùng một thời gian. Nếu Hội trước tản ra thì không có Hội sau, cho nên chỉ dựa theo Hội ở tán cây Bồ-đề, bởi vì Hội này là căn bản, là nơi đạt được quả Phật. Lý thật thì Hội thứ hai cũng có khắp nơi giống như Hội này. Nếu cùng một thời gian có ở khắp nơi, thì sao có chín Hội trước-sau? Nếu có trước-sau thì sao gọi là cùng một thời gian? Nên nói là Thể ngay nơi Dụng cùng một thời gian lập tức có ở khắp nơi, Dụng ngay nơi Thể không làm hỏng trước-sau, giống như phù hợp với văn.

Hai: Từ “Nhĩ thời...” trở xuống, trình bày về không rời khỏi tán cây Bồ-đề mà đều lên trên cung điện của Đế Thích.

Hỏi: Động và tĩnh trái ngược nhau, đi và dừng cách xa nhau, đã nói không rời khỏi thì sao có thể nói là lên cao? Đáp: Xưa có nhiều cách giải thích. Một Sư nói rằng: “Thân vốn có của Thích-ca không rời khỏi tán cây Bồ-đề, khởi lên thân ứng hóa khác mà lên trên cõi trời.” Một Sư nói rằng: “Không rời khỏi là Báo thân, lên trên cõi trời là Hóa thân.” Một Sư nói rằng: “Không rời khỏi là Pháp thân, lên trên cõi trời là Dụng của Hóa thân.” Điều không phải là ý văn, bởi vì trong văn này đều là mười thân mây của Tỳ-lô Giá-na. Một Sư nói rằng: “Bởi vì đi mà không đi cho nên gọi là không rời khỏi, không đi mà đi là bởi vì lên trên cõi trời, như tướng không đến mà đến...” Nếu như vậy thì chỉ là lên cao rời xa nhau, không phải là dưới tán cây Bồ-đề có riêng thân không rời khỏi, cho nên không thích hợp. Có người nói: “Đây là nghiệp dụng đồng Thể thuộc thân thông của Phật, dừng tức là đi, đi tức là dừng; dừng là Thể của Biến, đi là Dụng của Ứng; Ứng là Thể của Ứng, tuy lên cao ở Hội sau mà không rời xa ở Hội trước; Thể là Ứng thuộc Thể, tuy không rời xa Hội trước mà lên cao ở Hội sau.” Nếu như vậy thì đâu khác với Sư thứ ba nói rằng không rời khỏi là Pháp thân? Lại lấy dừng (Trú) để giải thích về không rời khỏi (Bất khởi), mà nói dừng là Thể của Biến, đâu nhất định chỉ dừng ở tán cây Bồ-đề? Lên trên cõi trời đâu nhất định không phải là Thể của Biến? Dưới tán cây Bồ-đề lẽ nào không phải là Dụng hay sao?

Nay hiển bày về nghĩa chính, nhưng Phật đạt được Bồ-đề, Trí không có gì không đầy đủ, Thể không nơi nào không có mặt, không nương tựa-không dừng lại, không có đi-không có đến; như vậy dùng tự tại mà Ứng ngay nơi Thể, Ứng tùy theo Thể của Biến, duyên cảm trước-sau có dừng lại-có lên cao, Diêm-phù có cảm thì thấy ở tán cây Bồ-đề,

cung trời có cảm thì thấy lên trên cõi trời, không phải là Phật rời khỏi tán cây Bồ-đề mà lên trên cung trời, cho nên nói là không rời khỏi tán cây Bồ-đề mà lên trên cung điện của Đế Thích.

Pháp Tuệ nói kệ rằng: Nay Phật tử! Ông nên quán sát, năng lực tự tại của Như Lai, tất cả người ở Diêm-phù-đề, đều nói Phật ở trong cõi ấy. Đây là không rời xa. Chúng ta nay nhìn thấy Đức Phật, an trú trên đỉnh núi Tu-di. Đây là lên trên cao. Văn lý có chứng cứ.

Lại dùng ví dụ để hiển bày, ví như vầng trăng sáng ngời chuyển dời mà hình ảnh thuận theo khắp nơi, nhưng dòng sông trong xanh hiện rõ một vầng trăng, người trên ba con thuyền cùng nhau ngắm nhìn, một con thuyền neo lại đứng yên, hai con thuyền đi về hai hướng Nam-Bắc. Người trên con thuyền đi về hướng Nam nhìn thấy vầng trăng ngàn dặm đi theo về Nam, người trên con thuyền đi về hướng Bắc nhìn thấy vầng trăng ngàn dặm đi theo về Bắc, người trên con thuyền neo lại nhìn thấy vầng trăng không di chuyển, là bởi vì vầng trăng này không rời xa giữa dòng mà hướng về Nam-Bắc. Giả sử trăm-ngàn người cùng nhau ngắm nhìn đều đi về tám hướng, thì trăm-ngàn vầng trăng đều đi theo họ, những người có nhận thức thì hiểu rõ ý nghĩa này vậy.

Cổ đức giải thích điều này, tóm lược có mười nghĩa: 1- Dựa theo môn hòa vào nhau thuộc về nơi chốn, bởi vì trong một nơi chốn có tất cả nơi chốn, vì vậy những cung trời này, vốn ở dưới tán cây Bồ-đề, cho nên không cần phải rời khỏi, nhưng chính là Dụng ở nơi ấy mà nói là Thăng. 2- Cũng dựa theo môn hòa vào nhau, bởi vì một nơi chốn hòa vào tất cả nơi chốn, cũng không cần phải rời khỏi cây Bồ-đề khắp nơi trong cõi trời, muốn dùng cung trời để biểu thị về pháp tiến lên trên cao, cho nên nói là Thăng. 3- Bởi vì tất cả tức là một, cho nên cõi trời ở dưới tán cây Bồ-đề. 4- Bởi vì một tức là tất cả, cho nên cây Bồ-đề ở trên cõi trời; không rời khỏi đều dựa theo như trước. 5- Dựa theo thân Phật, nghĩa là thân ở dưới tán cây Bồ-đề này, mà đầy khắp pháp giới, có khắp tất cả nơi chốn, thì xưa nay ở dưới tán cây Bồ-đề không cần phải rời khỏi, căn cơ đến lúc thuần thục khiến cho nhìn thấy, vì vậy nói là Thăng; vì thế cho nên Như Lai dùng thân pháp giới thường ở dưới tán cây Bồ-đề này, tức là ở trên cõi trời ấy. 6- Dựa theo tự tại giải thoát bất tư nghị của Phật, nghĩa là ngồi tức là đi-đứng..., ở nơi này tức là ở nơi kia, đều không phải là phần vị dưới mà suy lường được. 7- Dựa theo môn duyên khởi dựa vào nhau. 8- Dựa theo môn pháp tánh dung thông. 9- Dựa theo môn biểu thị rõ ràng về pháp. 10- Dựa theo môn thành tựu Hội lớn thuộc về pháp giới.

Nhưng mười nghĩa giải thích này, năm nghĩa trước là Huyền môn, bốn nghĩa tiếp là nguyên cơ, một nghĩa sau là ý tổng quát, muốn thành tựu mười nghĩa mà thiết lập đan xen với nhau, tuy tựa như tạp loạn nhưng không trái với Tông chỉ của kinh, đều có thể sử dụng.

Nhưng trong này hướng về với nhau có bốn cặp, pháp ngay trong nhau (Tương tức) vô ngại: 1- Nơi này và nơi kia; 2- Thân này và thân kia; 3- Như đi và như đứng; 4- Như một và như nhiều. Dựa theo nơi chốn thì nơi này và nơi kia ngay trong nhau vô ngại, thích hợp như bốn nghĩa trước trong mười nghĩa; dựa theo thân thì thân này và thân kia ngay trong nhau vô ngại, thích hợp như nghĩa năm-sáu và chính thức hiển bày trước đây.

Lại trong mười nghĩa thì bốn nghĩa sau bao gồm thân và nơi chốn, dựa theo nơi chốn thì chỉ có nơi này và nơi kia, dựa theo thân thì lại thêm đi-đứng, nghĩa là thân này tức là thân kia, thân đi tức là thân đứng; như thân-như nơi chốn đều bao gồm một-nhiều.

Trên đây là các pháp cùng ở trong một thời gian, không hề có trước-sau.

Một và nhiều hướng về với nhau nên làm thành bốn câu phân biệt: 1- Không rời xa tất cả tán cây Bồ-đề mà lên trên một cung trời, tức là như văn này; 2- Không rời xa một tán cây Bồ-đề mà lên trên tất cả cung trời; 3- Không rời xa tất cả tán cây Bồ-đề mà lên trên tất cả cung trời, kinh nói bởi vì mười phương thế giới đều như vậy; 4- Không rời xa một tán cây Bồ-đề mà lên trên một cung trời, trong kinh muốn hiển bày về một-nhiều ngay trong nhau, cho nên nêu ra câu thứ nhất.

Lên trên cung trời Đế Thích đã như vậy, thì lên trên những cung trời khác cũng như vậy. Như hai Hội sau lên trên cung trời đã như vậy, hướng đến nơi khác cũng như vậy.

Lại thuận theo mỗi một tán cây hướng về với nhau mà làm thành hai câu, đó là không rời xa một tán cây Bồ-đề mà thường ở nơi tất cả tán cây Bồ-đề, không rời xa tất cả tán cây Bồ-đề mà thường ở nơi một tán cây Bồ-đề.

Lại thuận theo dùng không rời khỏi những nơi khác, tương tự không rời khỏi tán cây Bồ-đề, lần lượt chuyển tiếp hướng về với nhau đều rộng khắp mọi nơi mà không làm hỏng trước-sau, tự tại khó nghĩ bàn.

Lại đã một nơi chốn có tất cả nơi chốn cũng có nghĩa về vi tế, công dụng không giống nhau có nghĩa về ẩn hiện, nếu thêm vào thời gian trước-thời gian sau thì có nghĩa về mười đời, chỉ thấy nói đến Trú,

cho đến đối với pháp khác có nghĩa về thuận tạp, những pháp sau kèm theo những pháp trước có nghĩa về Đế võng. Cung trời này hướng về nơi khác làm thành nghĩa về Chủ-bạn, mười Huyền môn đầy đủ rồi.

Hỏi: Kèm theo trước phát khởi sau, Sự-Lý thuận theo như nhau, vì sao Tam Hiền chỉ có ý chỉ này? Đáp: Bởi vì hiền bày về nghĩa khác nhau, nghĩa là hai Hội đầu tiếp cận với nhau, cho nên không cần phải kèm theo trước; Hội thứ ba này thì trời-người cách xa nhau, vì vậy cần phải kèm theo nối liền nhau. Vả lại, Hội thứ ba này cùng giải thích về phần vị Tam Hiền, Hội thứ sáu đã tiến vào Chứng thì không cần phải kèm theo trước, Hội thứ bảy ngay trong phần vị thì Phổ Hiền rõ ràng không nhờ cậy, Hội thứ tám lập tức làm sáng tỏ về Thể-Dụng của năm phần vị đã dung thông, Hội thứ chín chỉ trình bày về Chứng nhập cùng một ý vị của Thể-Dụng, cho nên tất cả đều không nhờ cậy.

Ba: Từ “Thời Thiên Đế...” trở xuống là trình bày về tất cả đều nhìn thấy Phật xuất hiện, dựa theo Phật thì Dụng thuận theo Thể mà phát khởi, dựa theo căn cơ thì cảnh thuận theo tâm mà hiện rõ, gần bên cạnh mà chưa tiếp xúc cho nên nói là thấy từ xa.

Bốn: Từ “Tức dĩ...” trở xuống là tất cả đều trang nghiêm cung điện-pháp tòa, biểu thị cho trang nghiêm cung điện của Căn-Dục mà làm pháp khí, xếp đặt pháp tòa Sư tư là biểu thị cho pháp môn của Thập Trú. Văn có mười câu, câu đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Tổng quát nói về Phổ Quang Minh Tạng, đây là Trí thuộc về phần vị Giải, soi chiếu Pháp Không mà hàm chứa các đức, bắt đầu từ Tín mà tiến vào cho nên có chữ Trí (xếp đặt). Trong riêng biệt, câu đầu là dựa theo Thể, còn lại đều hiền bày về trang nghiêm. Đầu nói đến mười ngàn, là nhân của vạn hạnh mà cảm được. Nói đến tầng cấp, là vạn hạnh huân tập mà thành tựu. Lưới giảng bằng vàng để phòng hộ, Từ Bi làm màn che để nuôi nấng-để che kín, Tứ Nhiếp vẽ trên lụa hoa dùng làm tua rủ xung quanh, Hạnh nguyện viên dung đan xen với vạn thiện, Nhu hòa-Nhẫn nhục-Tâm quý dùng để che phủ cung trời của Đệ nhất nghĩa thuộc về Pháp Không, Phạm hạnh thanh tịnh vòng quanh Thể của pháp ấy, mỗi một Trí soi chiếu vốn là ánh sáng của mặt trời, ở trong sinh tử loại bỏ bóng tối của đêm dài, nêu ra đức của quả ấy khiến cho chúng sinh nương theo thực hành. Sau trong Thập Hạnh-Thập Hồi Hướng, dựa theo phần vị dần dần tăng lên biểu thị cho pháp không có gì khác nhau.

Năm: Từ “Nhĩ thời Đế Thích...” trở xuống là thỉnh Phật an trú nơi cung điện, trong đó ba nghiệp sùng kính lấy làm lễ nghi thưa thỉnh.

Nói khéo léo xuất hiện (Thiện lai), là ứng với căn cơ mà đến, không có tướng đến mà đến, kèm theo Hội pháp giới mà đến. Ba lần ca ngợi là khéo léo, bởi vì rất vui mừng. Nêu ra ba Hiệu, là tóm lược ca ngợi về đức. Nguyên xót thương an trú, là mong mỗi dựa vào thừa ruộng thù thắng mà phát sinh Đại phước.

Sáu: Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là cùng lúc đi vào cung điện, nghĩa là căn duyên phù hợp với nhau mà thành tựu lợi ích không hư giả.

Mười phương như vậy, là nối thông kết thúc sự việc đi vào cung điện ở sáu đoạn trên. Văn ở bốn đoạn sau là sự việc trong cung điện.

Bảy: Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là âm nhạc đều dừng lại, nghĩa là thâm nhiếp phân tán đưa về yên lặng mà đạt được lợi ích của Định.

Tám: Từ “Tức tự...” trở xuống là tất cả đều nghĩ đến nhân xưa mà đạt được lợi ích của Trí. Duyên phân tán đã dừng lại thì đức thù thắng hiện rõ trước mắt, vắng lặng không suy nghĩ gì mà phát khởi về Trí của đời trước. Gieo trồng thiện căn, tức là mười vị Phật sau đó đã từng đi vào cung điện này, mà nghe pháp cúng dường; cũng biểu thị cho nhìn thấy tánh của tự tâm, vốn giống như Phật xưa kia.

Chín: Từ “Ca-diếp...” trở xuống là cùng nhau ca ngợi Như Lai, nhưng chư Phật ba đời đều ở nơi này thuyết về pháp của Thập Trú. Chỉ ca ngợi mười vị Phật, là biểu thị về thuyết giảng Thập Trú cho đến vô tận. Nguyên cơ ca ngợi thì nghĩa lại có bốn: 1- Mười vị Phật đã từng an trú là cung điện thù thắng có thể an trú; 2- Cùng nhau nêu ra một đức để ví dụ ca ngợi về Bốn Sư; 3- Nói rõ thiện căn xưa kia vui mừng được gặp có thể tiếp nhận; 4- Phật xưa kia cùng thuyết giảng là biểu thị cho pháp thường hằng.

Trong văn, trước là trình bày về thế giới này, sau là phân rõ để kết luận nối thông.

Nay là phần trước có mười kệ, đều là nửa kệ trước nêu ra tên gọi ca ngợi về đức, câu trước là riêng biệt, câu sau là nối thông; nửa kệ sau là dựa theo con người để kết luận về nơi chốn, chỉ riêng một câu trước là nói về chư Phật không giống nhau. Nhưng tên gọi riêng biệt của chư Phật thì phần nhiều dựa vào đức mà lập nên, ca ngợi thì chọn lấy đức để giải thích tên gọi ở trước.

Đầu là Ca-diếp, Trung Hoa nói là Âm Quang, nếu thuận theo dòng họ mà lập thì nêu rõ là sinh trong chủng tộc ấy; nếu dựa vào đức của Phật, thì một là bởi vì ánh sáng nơi thân che mờ những ánh sáng khác, hai là bởi vì ánh sáng của Bi nuốt mờ ánh sáng tà vạy.

Câu-na Mâu-ni, xưa nói là Kim Tiên, cũng nói là Kim Tịch, Tịch

cho nên không ngăn ngại gì, Kim cho nên nhìn thấy rõ ràng.

Ca-la Cưu-đà, nói đầy đủ là Ca-la Cưu-thôn-đà, Trung Hoa nói là Sở Ứng Đoạn Dĩ Đoạn, như vàng đã sạch sẽ, như núi không lay động. Cũng có thể nhìn thấy không ngăn ngại gì, là đức của vị Phật này. Như núi vàng là đức của vị Phật trước.

Tỳ-xá-phù, cũng nói là Tỳ-thấp-bà-bộ. Tỳ-thấp-bà, Trung Hoa nói là Biến Nhất Thiết, Bộ là Tự Tại. Cũng nói là Biến Thắng Vô Tam Cấu, bởi vì không có gì không tự tại mà vượt lên trên thù thắng, ba Cấu là hiện hành-chủng tử và tập khí.

Thi-khí, cũng nói là Thức-khí-na, Trung Hoa nói là Trì Kế, cũng nói là Hữu Kế, Trí vô phân biệt thật là cao quý bậc nhất, ở trên đỉnh của tâm; lại hạt minh châu trong búi tóc chính là vô phân biệt.

Tỳ-bà-thi, Trung Hoa phiên ra có bốn, đó là Tịnh Quán-Thắng Quán-Thắng Kiến-Biến Kiến. Trí đầy đủ như vàng trắng tròn vạnh là Biến Kiến, phiên bảo hết sạch không còn là Tịnh Quán, đã tròn vạnh lại sạch sẽ là Thắng Quán-Thắng Kiến.

Phất-sa, cũng nói là Bột-sa, Trung Hoa nói là Tăng Thạnh, thấu triệt rõ ràng về Thắng nghĩa là Tăng Thạnh.

Đề-xá, cũng nói là Đề-sa. Tây Vực giải thích nghĩa của chữ Đề là La-na, Trung Hoa nói là Độ; Sa là Bà-sa, Trung Hoa nói là Thuyết. Nghĩa là thuyết pháp độ người. Hoặc chỉ nói là Thuyết, biện tài vô ngại tức là có năng lực thuyết giảng.

Ba-đầu-ma, Trung Hoa nói là Xích Liên Hoa, thân tâm như hoa sen sạch sẽ không hề dính bụi bẩn.

Nhiên Đăng, trong Trí Luận nói: “Vị Phật này từ lúc bắt đầu hiện sinh, cho đến thành Phật, toàn thân luôn luôn tỏa sáng như ngọn đèn cháy sáng, ánh sáng của Thân-Trí sáng ngời khắp nơi gọi là Đại.”

Nhưng trong mười vị Phật, bảy vị sau chính là Phật ở kiếp quá khứ, thì làm sao Phật ở kiếp Hiện đã từng đi vào cung điện? Xưa có hai cách giải thích: 1- Dựa theo thời kiếp ngay trong nhau-hòa vào nhau; 2- Dựa theo nơi chốn ấy có thô-tế, thô thì tùy theo kiếp mà hư hoại, tế thì luôn luôn tồn tại. Như trong kinh Pháp Hoa nói trời-người thấy lửa cháy mà quốc độ của Ta không hủy hoại. Vả lại, Phạm Vương thấy thanh tịnh mà Thân Tử thấy uesthiễm. Nay Thiên Đế này là Đại Bồ-tát giống như Phạm Vương nhìn thấy, cũng nhờ Phật gia hộ.

Phần sau từ “Như thử...” trở xuống là kết luận nối thông với mười phương.

Mười: Từ “Nhĩ thời Thế Tôn...” trở xuống là cung điện đều rộng

lớn trang nghiêm thanh tịnh, tức là nhìn thấy tướng trạng của cung điện rộng rãi như ý, giống như nơi chốn mà loại bỏ tình thức hạn hẹp; cũng biểu thị cho Đại Từ Bi rộng lớn sánh bằng thế giới chúng sinh. Vả lại, Như Lai đi vào cung điện, tức là Trí giác ngộ hiện rõ trước mắt, bỗng nhiên rộng lớn thì thân tâm không còn ranh giới. Từ “Thập phương...” trở xuống là bao gồm kết luận về vô tận, chỉ kết luận về bốn đoạn sau, bởi vì sáu đoạn trước đã kết luận.
